

Bản án số: 09/2024/HS-ST
Ngày 31-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Máy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Văn Viên;

Bà Lương Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ba Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phù Trung Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 121/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/HSST-QĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lô Tuấn T, tên hội khác: M, sinh ngày 13 tháng 02 năm 1989, tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lô Văn C và bà Ngô Thị N; có vợ: Triệu Hương T, sinh năm 1991; có 01 con, sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 14/6/2023, tạm giam ngày 17/6/2023, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn đến nay. Có mặt.

2. Đường Văn K, sinh ngày 05 tháng 10 năm 1993, tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đường Văn H (đã chết) và bà Vũ Thị T; có vợ: Triệu My L, sinh năm 1998; có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 14/6/2023, tạm giam ngày 17/6/2023, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lô Tuấn Thanh*: Ông Trần Xuân Trà - Luật sư, thực hiện Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Chị Triệu Hương T, sinh năm 1991; trú tại: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt;

2. Chị Triệu My L, sinh năm 1998; trú tại: Thôn K, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Anh Lương Văn H, sinh năm 1985. Vắng mặt.;

2. Ông Phan Mạnh H, sinh năm 1972. Vắng mặt.;

3. Anh Triệu Viết D, sinh năm 1985. Vắng mặt.;

4. Chị Trần Thị T, sinh năm 1996. Vắng mặt.;

5. Anh Nguyễn Đăng Q, sinh năm 1985. Vắng mặt.;

6. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978. Vắng mặt.

- *Người chứng kiến*: Bà Lăng Thị H, sinh năm 1963. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 15 phút ngày 14/6/2023, tổ công tác Đoàn Biên phòng Na Hình phối hợp với Công an xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn đang thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, tại thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, phát hiện 02 người nam giới đang điều khiển 02 xe mô tô, trong đó 01 xe chở 01 người đàn ông, 01 xe chở 01 người phụ nữ, đi từ hướng thị trấn N vào khu vực biên giới, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có biểu hiện nghi vấn, tổ công tác yêu cầu 02 người dừng xe kiểm tra, khi phát hiện tổ công tác người điều xe mô tô chở người phụ nữ đi trước đã chấp hành, người điều khiển xe mô tô đi sau cho người đàn ông xuống xe và điều khiển xe mô tô bỏ chạy quay lại hướng thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Tổ công tác đã tiến hành truy đuổi và bắt giữ được tại thôn K, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Qua khai thác đối tượng chở người phụ nữ khai họ tên là Lô Tuấn T và khai nhận: Ngày 13/6/2023 Lô Tuấn T được người phụ nữ tên L khoảng 50 tuổi lấy chồng và sinh sống bên Trung Quốc (không biết họ, địa chỉ cụ thể) sử dụng số điện thoại 0374.68***4, gọi điện thuê Lô Tuấn T đón và đưa 03 người Việt Nam xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, với tiền công là 500.000 đồng/01 người từ thị trấn N vào biên giới xã T, huyện V, tỉnh Lạng

Sơn, đề xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, Lô Tuấn T đồng ý. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 14/6/2023 Lô Tuấn T đón 01 người phụ nữ Việt Nam tên T (không rõ họ, địa chỉ cụ thể) từ thị trấn N vào biên giới xã T để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, nhưng người phụ nữ mệt không xuất cảnh được và đang ở nhà Lô Tuấn T, chờ để Lô Tuấn T đưa đi xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Ngày 14/6/2023 Lô Tuấn T tiếp tục được người phụ nữ tên L, thuê ra thị trấn N, đón 02 người Việt Nam từ thị trấn N vào biên giới xã T để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, Lô Tuấn T nhận lời và thuê Đường Văn K đón 01 người từ thị trấn N đến nhà Lô Tuấn T, để Lô Tuấn T đưa người này xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc với tiền công là 200.000 đồng, Đường Văn K đồng ý. Đường Văn K khai nhận được Lô Tuấn T thuê chở 01 người đàn ông Việt Nam (không biết tên, địa chỉ), từ thị trấn N đến nhà Lô Tuấn T tại thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn với tiền công 200.000 đồng, để Lô Tuấn T đưa người đàn ông xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Khi Lô Tuấn T và Đường Văn K chở khách đến thôn N, xã T, thì bị Bộ đội Biên phòng kiểm tra phát hiện bắt giữ. Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đăng Q đều khai nhận do có nhu cầu xuất cảnh sang Trung Quốc, nên đã thông qua các đối tượng trên mạng xã hội, để đưa xuất cảnh sang Trung Quốc. Ngày 14/6/2023 đang trên đường đi xuất cảnh thì bị phát hiện bắt giữ. Tổ công tác đã đưa về trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tạm giữ của Lô Tuấn T: 01 xe mô tô biển kiểm soát 12V1-10**4, màu xanh đen (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động, nhãn hiệu VIVO, màu đen, bên trong gắn 01 sim (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masste, màu đen, bên trong gắn 01 sim (đã qua sử dụng).

Tạm giữ của Đường Văn K: 01 xe mô tô biển kiểm soát 12D1-21**6, màu trắng đen (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động, nhãn hiệu VIVO, màu xanh đen, bên trong gắn 02 sim (đã qua sử dụng).

Quá trình điều tra đã xác định được như sau: Năm 2018 Lô Tuấn T sang Trung Quốc làm thuê và quen biết một người phụ nữ Việt Nam tên L, Lô Tuấn T cho người phụ nữ tên L biết, nhà ở thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, giáp biên giới và cho nhau số điện thoại, thỉnh thoảng L gọi điện cho Lô Tuấn T bằng nhiều số điện thoại khác nhau, Lô Tuấn T không lưu và không nhớ số điện thoại. Đầu tháng 6 năm 2023, Lô Tuấn T được L sử dụng số điện thoại 0374.68***4, gọi đặt vấn đề thuê Lô Tuấn T đón rồi đưa người xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc qua mốc 1***, thuộc thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, tiền công trả cho Lô Tuấn T là 500.000 đồng/01 khách, Lô Tuấn T đồng ý. Sau đó, từ ngày 11/6/2023 đến ngày 14/6/2023, Lô Tuấn T đưa người xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc, cụ thể các lần như sau:

Lần 1: Khoảng 23 giờ ngày 12/6/2023, Lô Tuấn T đưa 02 người phụ nữ xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc, qua mốc 1***, thuộc thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, được trả tiền công 1.000.000 đồng.

Lần 2: Khoảng 15 ngày 13/6/2023, Lô Tuấn T được L nhắn cho biết có 02 khách cần đón tại thị trấn N, để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Sau đó,

Lô Tuấn T gọi điện rủ Đường Văn K cùng tham gia, thì sẽ trả tiền công 200.000 đồng, Đường Văn K đồng ý. Lô Tuấn T đến nhà nghỉ T, thị trấn N liên lạc đón chị Nguyễn Thị T, trên đường đi Nguyễn Thị T cho Lô Tuấn T biết, là do đi đường mệt, nên xin nghỉ tại nhà Lô Tuấn T một hôm, Lô Tuấn T đồng ý. Đường Văn K đón một người đàn ông, đến khoảng 17 giờ 30 phút, Đường Văn K đưa người đàn ông đến khu vực đồi gần nhà Lô Tuấn T chờ để Lô Tuấn T đưa đi xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, sau đó Đường Văn K đi về nhà, còn Lô Tuấn T đưa Nguyễn Thị T về nhà và sắp xếp chỗ nghỉ. Đến khoảng 03 giờ 30 phút ngày 14/6/2023, Lô Tuấn T đưa người đàn ông xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, qua mốc 1*** thuộc thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có người đàn ông đón người xuất cảnh trái phép tại hàng rào phía biên giới Trung Quốc, nhưng chưa được trả tiền công. Khoảng 08 giờ cùng ngày Lô Tuấn T đã trả tiền công cho Đường Văn K 200.000 đồng.

Lần 3: Khoảng 11 giờ ngày 14/6/2023, L tiếp tục thông báo có 02 khách cần đón tại thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Khoảng 18 giờ 15 phút cùng ngày, Lô Tuấn T và Đường Văn K đón 02 khách tại nhà nghỉ T, Lô Tuấn T chở Trần Thị T, Đường Văn K chở Nguyễn Đăng Q cùng vào khu vực biên giới, khi đến địa phận thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, thì bị bắt quả tang.

Tại cơ quan điều tra chị Nguyễn Thị T khai nhận: Do muốn xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, ngày 09/6/2023 lên mạng xã hội, thấy có tài khoản “V” đăng nội dung đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, nhắn vào phần bình luận để lại số điện thoại. Sau đó, được người sử dụng số điện thoại 0342.22***8, gửi yêu cầu kết bạn Zalo. Qua trao đổi tiền chi phí 5.000 nhân dân tệ, ngày 13/6/2023 theo thông báo của người sử dụng số điện thoại 0348.19***0 cho biết, chị Nguyễn Thị T đi xe khách đến nhà nghỉ T, tại thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, sau đó có người đi xe máy đón, chị Nguyễn Thị T mệt không đi tiếp được, nên người này đưa về nhà nghỉ ngơi. Đến ngày 14/6/2023 chị Nguyễn Thị T được lực lượng Biên phòng đến thông báo người đưa đi xuất cảnh trái phép đã bị bắt và đưa chị Nguyễn Thị T về trụ sở làm việc.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKSLS-P2 ngày 26/12/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Lô Tuấn T về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đường Văn K về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản Cáo trạng đã nêu; các bị cáo thừa nhận hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp luật.

Chị Triệu Hương T trình bày: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12V1-10*** tạm giữ của Lô Tuấn T, là tài sản của chị, do chị tự bỏ tiền mua tại cửa hàng xe máy H với giá 14.000.000 đồng, mục đích mua xe để làm phương tiện đi lại của cả gia đình, chị Triệu Hương T không biết chồng là Lô Tuấn T mang xe đi đón người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, gia đình sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, hiện xe đang tạm giữ không có phương

tiện đưa đón con đi học, chị yêu cầu xin được trả lại chiếc xe mô tô để làm phương tiện đưa, đón con học dễ dàng.

Chị Triệu My L trình bày: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12D1-21*** tạm giữ của Đường Văn K, là tài sản của chị, số tiền mua xe hoàn toàn là nguồn tiền của chị đi làm Công ty ở tỉnh Bắc Ninh tích góp để mua tại cửa hàng mua bán xe máy ở thành phố Lạng Sơn với giá 13.000.000 đồng, chị Triệu My L không biết chồng là Đường Văn K mang xe đi đón người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, chị yêu cầu xin được trả lại chiếc xe mô tô để làm phương tiện đưa đón con đi học.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Lô Tuấn T, Đường Văn K phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép; áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 348, Điều 38, Điều 50, điểm s, r khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lô Tuấn T; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 348, Điều 38, Điều 50, điểm s, r khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đường Văn K. Đề nghị xử phạt bị cáo Lô Tuấn T mức án từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Đường Văn K mức án từ 05 năm đến 06 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 02 điện thoại di động; 01 xe mô tô thu giữ của bị cáo Lô Tuấn T; 01 điện thoại di động; 01 xe mô tô thu giữ của bị cáo Đường Văn K. Căn cứ Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị truy thu số tiền 800.000 đồng của bị cáo Lô Tuấn T; truy thu số tiền 200.000 đồng của bị cáo Đường Văn K, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Người bào chữa cho bị cáo Lô Tuấn T: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh. Về hình phạt bị cáo Lô Tuấn T chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật có phần hạn chế, bị cáo tự thú các lần phạm trước đó, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm s, r khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ Luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt là 05 năm tù, không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo. Đề nghị trả lại ½ giá trị tài sản chiếc xe mô tô cho vợ bị cáo Lô Tuấn T, vì là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận, chị Triệu Hương T, chị Triệu My L có ý tranh luận xin được trả lại. Đại diện Viện kiểm sát tranh luận với người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, các bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, đại diện Viện kiểm sát đã căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội đối với các bị cáo, đề nghị mức án là phù hợp với quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên mức án đã đề nghị, đối với xe mô tô các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, chị Triệu

Hương T, chị Triệu My L xin được trả lại, nhưng không có giấy tờ gì để chứng minh là tài sản riêng, đại diện Viện kiểm sát đề nghị tịch thu, do Hội đồng xét xử xem xét quyết định. Lời nói sau cùng, các bị cáo rất hối hận và xin được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Người bào chữa cho bị cáo đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi cấu thành tội phạm của các bị cáo: Năm 2018 Lô Tuấn T sang Trung Quốc làm thuê và quen biết một người phụ Việt Nam tên L, Lô Tuấn T cho người tên L biết nhà ở thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, giáp biên giới và cho nhau số điện thoại, thỉnh thoảng L gọi điện cho Lô Tuấn T bằng nhiều số điện thoại khác nhau. Đầu tháng 6 năm 2023, Lô Tuấn T được L sử dụng số điện thoại 0374.686.***, gọi đặt vấn đề thuê Lô Tuấn T đón rồi đưa người xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc qua mốc 10**, thuộc thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn tiền công là 500.000 đồng/01 khách, Lô Tuấn T đồng ý. Từ ngày 11/6/2023 đến ngày 14/6/2023, Lô Tuấn T đã nhiều lần đưa người xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc, cụ thể: Lần 1: Khoảng 23 giờ ngày 12/6/2023, Lô Tuấn T đưa 02 phụ nữ xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc, qua mốc 10**, thuộc thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, được trả tiền công 1.000.000 đồng. Lần 2: Khoảng 15 giờ ngày 13/6/2023 Lô Tuấn T được L nhắn cho biết có 02 khách cần xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, Lô Tuấn T gọi điện rủ Đường Văn K cùng tham gia, thì sẽ trả tiền công cho Đường Văn K 200.000 đồng, Đường Văn K đồng ý. Sau đó, Lô Tuấn T đến nhà nghỉ T, thị trấn N liên lạc đón chị Nguyễn Thị T, do chị Nguyễn Thị T đi đường mệt, xin nghỉ tại nhà Lô Tuấn T một hôm. Đường Văn K đón một người đàn ông đưa đến khu vực đồi gần nhà Lô Tuấn T chờ để Lô Tuấn T đưa đi xuất cảnh, sau đó Đường Văn K đi về. Đến khoảng 03 giờ 30 phút ngày 14/6/2023, Lô Tuấn T đưa người đàn ông xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, qua mốc 10** thuộc thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có một người đàn ông đón tại phía hàng rào Trung Quốc, nhưng chưa được trả tiền công, Lô Tuấn T đã trả cho Đường Văn K 200.000 đồng tiền công. Lần 3: Khoảng 11 ngày 14/6/2023 L tiếp tục thông báo có 02 khách cần đón tại thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Khoảng 18 giờ 15 phút cùng ngày, Lô Tuấn T và Đường Văn K đón 02 khách, Lô Tuấn T chở Trần Thị T, Đường Văn K chở Nguyễn Đăng Q cùng vào khu vực biên giới, khi đến địa phận thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, thì bị bắt quả tang. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với

nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, người chứng kiến...; phù hợp với vật chứng đã thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo Lô Tuấn T đã có hành vi sắp xếp, bố trí, đón đưa 06 người từ Việt Nam ra nước ngoài, mà không được sự cho phép, chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, với mục đích vụ lợi. Các bị cáo Lô Tuấn T và Đường Văn K đã có hành vi sắp xếp, bố trí, đón đưa người 02 lần trở lên, từ Việt Nam ra nước ngoài mà không được sự cho phép, chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, với mục đích vụ lợi. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Lô Tuấn T phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Đường Văn K phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội thấy rằng: Hành vi mà các bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý xuất, nhập cảnh của Nhà nước và gây mất ổn định xã hội tại địa phương nhất là khu vực biên giới. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì háms lợi nên vẫn cố ý thực hiện.

[4] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn do các bị cáo Lô Tuấn T, Đường Văn K cùng cố ý thực hiện một tội phạm. Bị cáo Lô Tuấn T có vai trò chính trong vụ án, là người trực tiếp liên lạc, trao đổi, thỏa thuận, sắp xếp gọi bị cáo Đường Văn K cùng tham gia đón và đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, bị cáo Đường Văn K là người giúp sức cho bị cáo Lô Tuấn T trong việc tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép; khi được bị cáo Lô Tuấn T trao đổi, thỏa thuận, đặt vấn đề đưa người đi xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc sẽ trả công 200.000 đồng, bị cáo Đường Văn K đã đồng ý. Bị cáo Lô Tuấn T đã có hành vi dùng xe mô tô chở 01 người là chị Trần Thị T và bị cáo Đường Văn K dùng xe mô tô chở anh Nguyễn Đăng Q đến thôn N, xã T để chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đăng Q xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, việc xuất cảnh không thực hiện được là do lực lượng chức năng phát hiện và ngăn chặn, là nằm ngoài ý muốn của các bị cáo.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khi bị bắt các bị cáo tự thú khai ra các lần phạm tội trước đó, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Lô Tuấn T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật có phần hạn chế, nên được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngoài tình tiết tăng nặng định khung, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo Lô Tuấn T và Đường Văn K đều chưa có tiền án, tiền sự; chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự hoặc xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, là người có nhân thân tốt.

[8] Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

[9] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào kết quả xác minh cho thấy các bị cáo nghề nghiệp làm ruộng, không có tài sản riêng gì có giá trị, gia đình bị cáo Lô Tuấn T thuộc hộ cận nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Đối với người phụ nữ tên L đặt vấn đề thuê Lô Tuấn T đưa 06 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, nhưng bị cáo Lô Tuấn T không biết rõ họ, địa chỉ, số điện thoại. Do không có thông tin cụ thể, nên Cơ quan An ninh điều tra không tiến hành xác minh làm rõ được.

[11] Đối với tài khoản mạng xã hội Tiktok tên “V” đối tượng sử dụng tài khoản Facebook, Zalo tên “Miee” và các đối tượng sử dụng số điện thoại 0348.192.***, 0792.275.*** đã liên lạc hướng dẫn Nguyễn Thị T, Trần Thị T và Nguyễn Đăng Q đến Lạng Sơn để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, nhưng chị Nguyễn Thị T, chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đăng Q đều không biết thông tin cụ thể các đối tượng trên, nên Cơ quan An ninh điều tra không tiến hành xác minh làm rõ được.

[12] Đối với người đàn ông đón người xuất cảnh trái phép tại hàng rào phía biên giới Trung Quốc vào các ngày 12/6/2023 và ngày 13/6/2023, theo bị cáo Lô Tuấn T khai không biết họ tên, địa chỉ của người đàn ông trên, nên Cơ quan An ninh điều tra không tiến hành xác minh làm rõ được.

[13] Đối với anh Lê Văn H là lái xe Taxi được một người đàn ông thuê đón chị Trần Thị T từ sân bay Nội Bài, thành phố Hà Nội đến thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, nhưng anh Lê Văn H không biết mục đích chị Trần Thị T đến Lạng Sơn để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Đối với người đàn ông thuê anh Lê Văn H đón chị Trần Thị T đưa lên Lạng Sơn, nhưng anh Lê Văn H không biết họ tên, địa chỉ của người đàn ông này, nên Cơ quan An ninh điều tra không tiến hành xác minh làm rõ được.

[14] Về xử lý vật chứng: Đối với 03 chiếc điện thoại di động các bị cáo đã dùng vào việc phạm tội, tịch thu hóa giá nộp vào ngân sách Nhà nước. Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 12V1-10***, tạm giữ của bị cáo Lô Tuấn T và 01 xe mô tô biển kiểm soát 12D1-21***, tạm giữ của bị cáo Đường Văn K. Tại phiên tòa chị Triệu Hương T là vợ của bị cáo Lô Tuấn T, chị Triệu My L là vợ của bị cáo Đường Văn K, xin trả lại xe, nhưng chị Triệu Hương T, chị Triệu My L

không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh là tài sản do mình tự mua, các bị cáo Lô Tuấn T, Đường Văn K đã sử dụng xe vào việc phạm tội, nên tịch hóa giá nộp vào ngân sách Nhà nước.

[15] Đối với số tiền 1.000.000 đồng, được người phụ nữ tên L đưa cho bị cáo Lô Tuấn T và bị cáo Lô Tuấn T đã trả tiền công cho bị cáo Đường Văn K 200.000 đồng, là tiền do các bị cáo thu lợi bất chính. Căn cứ Điều 46 của Bộ luật Hình sự, truy thu của bị cáo Lô Tuấn T số tiền 800.000 đồng, bị cáo Đường Văn K 200.000 đồng, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[16] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn về tội danh, mức hình phạt và xử lý vật chứng phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[17] Ý kiến của người người chữa cho bị cáo Lô Tuấn T tại phiên tòa, đề nghị mức án, xử lý vật chứng, Hội đồng xét xử sẽ xem xét và quyết định.

[18] Về án phí: Các bị cáo bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 348, Điều 50, điểm s, r khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lô Tuấn T.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 348, Điều 50, điểm s, r khoản 1 Điều 51, Điều 38 Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đường Văn K.

Căn cứ vào Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lô Tuấn T, Đường Văn K phạm tội: Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

2. Về hình phạt chính:

2.1. Xử phạt bị cáo Lô Tuấn T 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/6/2023.

2.2. Xử phạt bị cáo Đường Văn K 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/6/2023.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

4. Về xử lý vật chứng:

*Tịch thu hóa giá, nộp ngân sách Nhà nước các tài sản sau:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen, cũ đã qua sử dụng, số IMEI1 có bốn số cuối là 8**1, số IMEI2 có bốn số cuối là 8**9, bên trong lắp 01 (một) sim Viettel của bị cáo Lô Tuấn T.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, cũ đã qua sử dụng, số IMEI1 có bốn số cuối là 6**3, số IMEI2 có bốn số cuối là 6**1, bên trong lắp 01 (một) sim Viettel của bị cáo Lô Tuấn T.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen, cũ đã qua sử dụng, số IMEI1 có bốn số cuối là 9**9, số IMEI2 có bốn số cuối là 9**1, bên trong lắp 02 (hai) sim Viettel của bị cáo Đường Văn K.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, xe cũ đã qua sử dụng (xe không có gương chiếu hậu), biển kiểm soát 12V1-10***, màu xanh đen, số khung: RLHJA3803GY0***3, số máy: JA38E013***4 của bị cáo Lô Tuấn T.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wava o, xe cũ đã qua sử dụng (xe không có gương chiếu hậu), biển kiểm soát 12D1-21***, màu trắng đen, số khung: RLHJA390HY223***5, số máy: JA39E022***0 của bị cáo Đường Văn K.

(Các vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/12/2023).

Truy thu của bị cáo Lô Tuấn T 800.000 (tám trăm nghìn) đồng, nộp ngân sách Nhà nước.

Truy thu của bị cáo Đường Văn K 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Lô Tuấn T, Đường Văn K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng;
- CQ An ninh điều tra Công an t. Lạng Sơn;
- Trại tạm giam Công an t. Lạng Sơn;
- Các bị cáo; người bào chữa;
- Người có QL, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Chi cục THADS h. Văn Lãng, t. Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Lưu VP- hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Triệu Thị Máy